

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 12/4/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễm
2. Bà Trần Thị Yến.

- Th- ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Tân - F ký Tòa án nhân dân huyện E.

Hôm nay ngày 12/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST- DS ngày 12/01/2018 về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-ST ngày 30/3/2018 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị A** - sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông **Hà Thanh B** - sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn Minh Xuân, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị A, ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2017 nguyên đơn chị Lê Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Thanh B phải trả nợ số tiền vay của chị ngày 03/02/2016 là 100.000.000đ và yêu cầu Tòa án tính lãi với khoản tiền vay trên là 1%/tháng và thời gian là 22 tháng, cụ thể tiền lãi suất là 22.000.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 122.000.000đ.

Tại bản tự khai cũng nh- các tài liệu khác chị Lê Thị A trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ giữa chị và ông Hà Thanh B là chỗ thân quen. Ngày 03/02/2016 ông B có vay của chị số tiền 100.000.000đ, chị đồng ý cho ông B vay số tiền trên; mục đích vay để đảo sổ Ngân hàng, thời hạn trả nợ là một tuần, hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, trong giấy không có thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn trả nợ ông B đã không trả cho chị đồng nào. Chị đã nhiều lần yêu cầu ông B trả nợ, nhưng ông B cứ khất lần và không chịu trả cho chị. Ngày

27/6/2017 ông **B** có viết giấy hẹn trả nợ như sau: Đến ngày 30/7/2017 ông **B** hẹn trả cho chị 35.000.000đ, đến ngày 30/8/2017 ông **B** trả cho chị 35.000.000đ, đến ngày 30/9/2017 ông **B** trả cho chị số tiền còn lại 30.000.000đ. Nhưng đến hạn hẹn trên ông **B** cũng không trả cho chị đồng nào tiền gốc. Đến nay ông **B** đã nợ tiền của chị quá 22 tháng.

Nay chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Thanh **B** phải trả cho chị toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, thời gian là 22 tháng, cụ thể là 22.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi suất: 122.000.000đ.

*Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Hà Thanh **B** trình bày:*

Vào ngày 07/12/2015 chị Hà Thị **F** lúc đó đang là cán bộ Ngân hàng huyện **E** có đến nhờ ông vay hộ số tiền 200.000.000đ. Là chỗ quen biết và biết chị Lê Thị **A** ở thôn **C**, xã **D** có cho vay lãi nên ông nhận lời vay hộ cho chị **F**. Ông đến gặp chị **A** và hỏi vay số tiền trên, là chỗ quen biết từ trước nên chị **A** đồng ý cho ông vay, lãi suất 4000đ/1triệu/1ngày, thời hạn vay là từ 08/12/2015 đến ngày 15/12/2015, hai bên có viết giấy vay tiền, việc vay này là giữa cá nhân ông và cá nhân chị **A**. Đến hạn trả nợ như trong giấy vay, ông có điện thoại cho chị **F** nhưng không thấy chị **F** trả lời. Đến ngày 31/12/2015 do chị **A** đòi nợ ráo riết nên ông phải vay mượn nơi khác để trả cho chị **A** cả gốc và lãi là 118.400.000đ. Số tiền gốc ông còn nợ lại chị **A** là 100.000.000đ, ông có hẹn với chị **A** là ông đòi nợ chị **F** được lúc nào thì ông sẽ trả cho chị **A** lúc đó, chị **A** đồng ý. Đến ngày 06/01/2016 chị **F** trả cho ông 20.000.000đ, ông đem trả cho chị **A** luôn. Đến ngày 01/02/2016 chị **F** trả tiếp cho ông 10.000.000đ, ông cũng trả luôn cho chị **A**.

Từ đó đến nay chị **F** không còn trả cho ông nữa nên ông cũng không trả thêm cho chị **A** đồng nào.

Trong thời gian qua, chị **A** có cho 03 người không rõ ở đâu đến nhà ông đòi nợ và bắt ông phải viết giấy vay nợ với số tiền còn lại là 100.000.000đ, do phần còn nợ phần chỉ có một mình ở nhà nên ông phải nghe theo.

Nay chị **A** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và lãi suất 1%/tháng, thời gian là 22 tháng, quan điểm của ông: Ông đã trả cho chị **A** được 30.000.000đ, chị **A** trừ vào tiền lãi hay tiền gốc ông cũng đồng ý. Còn việc chị **A** tính lãi suất 1%/tháng, thời gian 22 tháng ông hoàn toàn thống **A** và không có ý kiến gì. Nếu chị **A** không đồng ý thì ông đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Đối với số tiền gốc còn lại ông xin trả thành các lần và thời gian trả như sau:

- Kỳ 1: Vào tháng 07/2018;
- Kỳ 2: Vào tháng 10/2018;
- Kỳ 3: Vào tháng 12/2018.

Tại phiên toà hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, ông **B** vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Xét quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật điều chỉnh và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung hợp đồng không có thỏa thuận về lãi suất, có thỏa thuận về thời điểm thanh toán nên hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại Điều 463; Điều 465; khoản 4 Điều 466; khoản 1 Điều 470 BLDS năm 2015.

Bị đơn ông Hà Thanh **B** thừa nhận có vay của chị Lê Thị **A** số tiền là 100.000.000đ, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của chị **A**, căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật và chấp nhận sự thống nhất của các bên về khoản tiền gốc là 100.000.000đ. Xong ông **B** nài đã trả cho chị **A** 02 lần được 30.000.000đ.

Nguyên đơn chị **A** không thừa nhận việc ông **B** đã trả số tiền 30.000.000đ cho chị vào ngày 06/01/2016 là 20.000.000đ và ngày 01/02/2016 là 10.000.000đ, chị khẳng định từ khi vay đến giờ ông **B** chưa trả cho chị đồng nào, vì ngày 30/7/2017 ông **B** còn hẹn trả nợ cho chị 35.000.000đ, đến ngày 30/8/2017 ông **B** hẹn trả cho chị 35.000.000đ, đến ngày 30/9/2017 ông **B** hẹn trả cho chị số tiền còn lại 30.000.000đ; việc ông **B** nài đã trả cho chị số tiền 30.000.000đ là không đúng.

Tại phiên tòa hôm nay ông **B** không có chứng cứ nào xuất trình thể hiện việc ông đã trả cho chị **A** 02 lần với tổng số tiền 30.000.000đ. Do đó không có cơ sở kết luận chị **A** đã nhận tiền 30.000.000đ của ông **B**.

Quá trình vay bị đơn là ông Hà Thanh **B** không thực hiện đúng cam kết về thời gian trả nợ, ông **B** là ng-ời có lỗi đã vi phạm về thời hạn trả nợ, gây khó khăn cho việc thu hồi công nợ nhiều lần khát lần không chịu trả. Do đó yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị **A** buộc ông Hà Thanh **B** phải trả toàn bộ tiền gốc 100.000.000đ cho chị là có cơ sở. Đối với lãi suất: Chị **A** yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, thời gian 22 tháng đối với số tiền trên, ông **B** thống **A** với mức lãi suất và thời gian tính lãi mà chị **A** yêu cầu. Xét mức lãi suất mà chị **A** yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử sơ thẩm, nên chấp nhận. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị **A** buộc ông Hà Thanh **B** phải trả cho chị **A** số tiền gốc là 100.000.000đ và lãi suất là 22.000.000đ. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi suất là 122.000.000đ.

[3]Về án phí: chị **A** khởi kiện yêu cầu của chị đ-ợc Tòa án chấp nhận, do đó chị **A** không phải chịu án phí có giá ngạch về số tiền tranh chấp.

Ông **B** là bị đơn trong vụ kiện, yêu cầu của chị **A** đ-ợc Tòa án chấp nhận, nên buộc ông **B** phải chịu 6.100.000đ án phí dân sự sơ phẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463, Điều 465, khoản 4 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 92; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 **B** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị **A**.

2- Buộc ông Hà Thanh **B** có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị **A** số tiền gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất là 22.000.000đ (*Hai mươi hai triệu đồng*). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi suất là 122.000.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên cho chị A thì hàng tháng ông B còn phải trả thêm khoản tiền lãi cho chị A đối với số tiền vay gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hà Thanh **B** phải chịu 6.100.000đ (*Sáu triệu một trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho chị Lê Thị **A** số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 3.050.000đ (*Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2015/0003965 ngày 11/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.

4- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKS ND huyện **E**;
- Chi cục THA DS huyện **E**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Lâm

Nơi nhận:

- Các đơn vị sự;
- VKSNDTXSS;
- THA DSTXSS;
- TAND tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Lâm